TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **53**/2018/HNGĐ - ST
Ngày 29 /5 /2018
V/v tranh chấp Ly hôn, giao nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ tọa phiên toà: Bà Cao Thị Nghệ
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Đào
2. Ông Đặng Thế Quế

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Sầm Thị Thanh Sương* – Thư ký, Toà án nhân dân huyện Quỳ hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳ hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2018-TLST/HN&GĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, giao nuôi con theo quyết định đưa vụ ra xét xử số 19 /QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: **Chị Trương Thị T**, sinh 1993.
Địa chỉ: Xóm M H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
Có mặt.

2. **Bị đơn**: **Anh Lô Văn H**, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Xóm M H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt) .

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q - Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Nghệ An. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 07/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trương Thị T trình bày:

Chị và anh Lô Văn H, kết hôn vào ngày 26/2/2013, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.Trước khi kết hôn thì anh chị đã sống chung với nhau và đã có một người con chung, sau đó mới làm thủ tục đăng ký kết hôn. Nhưng sau khi kết hôn thì cuộc sống chung không được hạnh phúc, tình tình không phù hợp, thường xuyên cãi cọ lẫn nhau. Nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, sa vào tệ nạn xã hội, nghiện ma túy. Do đó, giữa chị và anh H không còn tình cảm, hiện nay anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2015. Chị T xác định tình cảm không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lô Văn H.

Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Lô Văn H có 1 người con chung: Lô Thị Tâm B, sinh ngày 08/7/2010, chị T yêu cầu được giao nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trương Thị T và anh Lô Văn H còn nợ ngân hàng chính sách xã hội - phòng giao dịch huyện Q số tiền 18.000.000,đ, chị T chịu trách nhiệm trả khoản nợ này.

Anh Lô Văn H có đơn xin vắng mặt và trình bày: Anh và chị Trương Thị T kết hôn vào năm 2013, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung không được hạnh phúc, thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn. Anh xác định tình cảm không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh và chị T được ly hôn. Do điều kiện khó khăn, anh phải đi làm ăn xa nên anh làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh Lô Văn H đề nghị giao con chung Lô Thị Tâm B, sinh ngày 08/7/2010 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H thống nhất giao cho chị T chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 18.000.000,đ.

Ngân hàng chính sách xã hội có văn bản trình bày: Vào ngày 28/5/2015, chị Trương Thị T, địa chỉ: Xóm M H, xã C, huyện Q là người đứng tên vay vốn NHCSXH, được vay vốn theo chương trình cho vay hộ nghèo, người vay vốn không phải thế chấp tài sản. Số tiền vay ban đầu là 30.000.000,đ, lãi suất 0,6%/tháng, chị T đã trả được 12.000.000,đ, số tiền còn nợ là 18.000.000,đ. Hạn trả ngày 13/5/2018. Đến ngày 13/5/2018 chị Trương Thị T đã thanh toán xong khoản nợ này.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q tại phiên tòa:

Về việc giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử; quá trình hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn, đã chấp hành đầy đủ các giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử cho Chị Trương Thị T được ly hôn anh Lô Văn H.

Về con chung: Giao cháu Lô Thị Tâm B, sinh ngày 08/7/2010, cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H; Về tài sản chung chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về nợ chung: Chị Trương Thị T đã thanh toán xong khản nợ, nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Chị Trương Thị T và anh Lô Văn H là hộ nghèo nên đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Trương Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Lô Văn H, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lô Thị Tâm B, sinh ngày 08/7/2010, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Do đó, vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, chia tài sản sau khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Lô Văn H kết hôn tự nguyện, làm thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định, sau khi kết hôn, anh chị sống chung không hạnh phúc, do tính tình không phù hợp, thường xuyên cãi cọ lẫn nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng, nên anh chị đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh H làm đơn giải quyết xét xử vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Lô Văn H.

[3] Về giao nuôi con chung: Chị Trương Thị T và anh Lô Văn H có một người con chung Lô Thị Tâm B, sinh ngày 08/7/2010. Chị T yêu cầu được giao nuôi con, anh H đề nghị giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Như vậy cần áp dụng các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình để giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về chia tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: chị Trương Thị T và anh Lô Văn H có khoản nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện Q số tiền 18.000.000,đ. Đến ngày 13/5/2018 chị Trương Thị T đã thanh toán xong. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chị Trương Thị T là hộ nghèo nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

[1] Về hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn anh Lô Văn H.

[2] Về giao nuôi con chung: Giao con chung, Lô Thị Tâm B, sinh ngày 08/7/2010 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lô Văn H. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Trương Thị T là hộ nghèo nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Trương Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000228 ngày 19/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bên vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Cao Thị Nghệ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã C, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.